

Số: /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Chương trình hành động về xử lý ô nhiễm môi trường trên địa bàn Thành phố Hà Nội giai đoạn 2026 - 2030 và các năm tiếp theo

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13 tháng 4 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1569/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1668/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065;

Căn cứ Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về các giải pháp cấp bách tăng cường công tác kiểm soát và xử lý ô nhiễm môi trường nước một số lưu vực sông;

Căn cứ Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 12 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ cấp bách, quyết liệt ngăn chặn, giải quyết tình trạng gây ô nhiễm môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2530/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về khắc phục ô nhiễm và quản lý chất lượng môi trường không khí giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 130/TTr-SNNMT ngày 11 tháng 02 năm 2026, văn bản số 2343/SNNMT-QLMT ngày 05 tháng 3 năm 2026 và văn bản số 3766/SNNMT-QLMT ngày 25 tháng 3 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Chương trình hành động về xử lý ô nhiễm môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2026 - 2030 và các năm tiếp theo” (sau đây viết tắt là Chương trình).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - Đ/c Bí thư Thành ủy (để b/c);
 - Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để b/c);
 - Chủ tịch UBND Thành phố;
 - Các Phó Chủ tịch UBND Thành phố;
 - VPUBTP: CVP, PCVP Đ.Q.Hùng,
- các phòng: TH, KT, ĐT, NNMT.
- Lưu VT, NNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Vũ Đại Thắng

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG VỀ XỬ LÝ Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 VÀ CÁC NĂM TIẾP THEO

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND Thành phố)

I. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

1. Toàn bộ hệ thống chính trị, người dân trên địa bàn Thành phố quyết tâm thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chủ trương, mục tiêu quốc gia về bảo vệ môi trường; thực hiện các kết luận, nghị quyết, quyết định, chỉ thị của Đảng, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành về giảm phát thải chất thải gây ô nhiễm môi trường; hoàn thành có hiệu quả các nhiệm vụ về bảo vệ môi trường của Thành phố.

2. Xác định mục tiêu môi trường là điều kiện, nền tảng, yếu tố tiên quyết cho phát triển bền vững kinh tế - xã hội; bảo vệ môi trường vừa là mục tiêu, vừa là nhiệm vụ, cần được đặt ở vị trí trung tâm của các quyết định phát triển; không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng kinh tế.

3. Bảo vệ môi trường phải lấy bảo vệ sức khỏe của nhân dân làm mục tiêu hàng đầu. Ưu tiên chủ động phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm, tập trung giải quyết các vấn đề môi trường trọng điểm, cấp bách đã được xác định trong các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.

4. Tập trung xử lý tháo gỡ các “điểm nghẽn”; hoàn thiện thể chế về bảo vệ môi trường của Thành phố nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi pháp luật; tăng cường tính công khai, minh bạch và sự giám sát của cộng đồng; tiếp cận dựa trên hệ sinh thái, liên vùng, liên ngành, phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, các-bon thấp.

5. Quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện các chiến lược, đề án, dự án, nhiệm vụ về bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm và phạm vi quản lý bảo đảm nguyên tắc “**6 rõ**: rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền”; tăng cường huy động nguồn lực trong xã hội kết hợp với ưu tiên các nguồn chi từ ngân sách; kêu gọi sự tham gia tích cực của các doanh nghiệp, tổ chức, cộng đồng và người dân trong bảo vệ môi trường; tận dụng cơ hội của quá trình hội nhập và hợp tác quốc tế.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Tập trung giải quyết điểm nghẽn của Thành phố về ô nhiễm môi trường giai đoạn 2026 - 2030 và các năm tiếp theo trên cơ sở gắn với định hướng quy hoạch Thủ đô tầm nhìn 100 năm theo cả 03 lĩnh vực: không khí, nước và chất thải rắn; kiểm soát chặt chẽ, không để phát sinh mới và không để gia tăng các nguồn gây ô nhiễm hiện hữu; từng bước xử lý dứt điểm các tồn tại, vi phạm, điểm nóng ô nhiễm kéo dài.

Tạo chuyển biến rõ rệt, thực chất và có thể đo lường được về chất lượng môi trường; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, siết chặt kỷ luật, kỷ cương

hành chính và trách nhiệm của các cấp, các ngành, địa phương; góp phần bảo đảm an ninh môi trường, bảo vệ sức khỏe Nhân dân và phát triển Thủ đô theo hướng xanh, bền vững, phát thải thấp.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Bảo vệ môi trường không khí

- *Đến năm 2030*: Giảm ô nhiễm không khí rõ rệt, 80% số ngày trong năm có chỉ số chất lượng không khí AQI¹ ở mức tốt và trung bình (theo số liệu các trạm quan trắc chuẩn của quốc gia và thành phố), nồng độ bụi mịn PM_{2.5} trung bình năm đạt dưới 40 µg/m³; hình thành nền tảng quản trị dữ liệu môi trường không khí, kiểm kê khí thải để phục vụ tốt cho công tác quản lý và tạo đà cho chuyển đổi xanh

- *Các năm tiếp theo*: Giải quyết cơ bản các nguồn gây ô nhiễm không khí trọng điểm; trên 80% số ngày trong năm có chỉ số chất lượng không khí AQI ở mức tốt và trung bình, nồng độ bụi mịn PM_{2.5} giảm trung bình 05 µg/m³ mỗi kỳ kế hoạch 5 năm;

2.2. Bảo vệ môi trường nước

- Kiểm soát chất lượng nước mặt tại: sông Hồng, sông Đà, sông Đuống, sông Cầu, sông Tô Lịch, sông Kim Ngưu, sông Lừ, sông Sét, sông Nhuệ, sông Đáy, sông Cầu Bây, sông Bùi, sông Tích, sông Ngũ Huyện Khê, sông Cà Lồ.

- Tỷ lệ thu gom nước thải sinh hoạt đô thị đạt 70%, trong đó:

+ Tại 4 lưu vực sông nội đô là 100%.

+ Tỷ lệ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt nông thôn là 40%.

+ Tỷ lệ thu gom, xử lý nước thải làng nghề là 50%.

2.3. Quản lý và xử lý chất thải rắn

- *Đến năm 2030*: Giải quyết triệt để các vấn đề quản lý và xử lý 06 loại chất thải trên địa bàn Thành phố (gồm: chất thải rắn sinh hoạt, chất thải xây dựng, chất thải công nghiệp, chất thải y tế, bùn thải và phân bùn bể phốt), đạt cân bằng phát sinh – xử lý chất thải. Trong đó, đến hết năm 2027 sẽ cân bằng giữa phát thải và xử lý đối với các loại chất thải trên địa bàn Thành phố.

- *Các năm tiếp theo*: Trên cơ sở kết quả đạt được đến năm 2030, tiếp tục nâng cao hiệu quả quản lý, kiểm soát phát sinh và xử lý chất thải trong các giai đoạn tiếp theo, cụ thể như sau:

+ Tổ chức quản lý chất thải theo 04 phương (Bắc – Đông – Tây – Nam), hình thành 05 khu xử lý tập trung để xử lý tất cả các loại chất thải, bảo đảm bán kính vận chuyển không quá 50km².

+ Lấy phân loại tại nguồn làm nền tảng, tái chế – tuần hoàn là trọng tâm, đốt thu hồi năng lượng và chôn lấp là giải pháp cuối cùng.

¹ AQI (Air Quality Index) là chỉ số chất lượng không khí, được sử dụng để đánh giá mức độ ô nhiễm không khí trong một khu vực cụ thể tại một thời điểm nhất định

Các chỉ tiêu chi tiết tại Phụ lục 1

Hiện trạng chất lượng không khí của Thành phố chi tiết tại Phụ lục 2

² Việc tổ chức phân vùng quản lý chất thải dựa trên cơ sở diện tích, khoảng cách phân bố và khối lượng phát sinh chất thải rắn của 126 xã, phường trên địa bàn Thành phố, chia các vùng quản lý theo 04 phương: phía Bắc, phía Đông, phía Tây, phía Nam của Thành phố; đảm bảo cự ly thu gom, vận chuyển chất thải tới các khu xử lý chất thải tập trung tại mỗi vùng không quá 50km.

+ Tối ưu hóa ứng dụng công nghệ, chuyên đổi số và tự động hóa trong thu gom, vận chuyển, quản lý giám sát, giảm tối đa lao động thủ công.

(Các chỉ tiêu cụ thể và lộ trình thực hiện được quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Chương trình).

III. CÁC GIẢI PHÁP, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Bảo vệ môi trường theo từng lĩnh vực

1.1. Các giải pháp, nhiệm vụ Bảo vệ môi trường không khí

Kết quả quan trắc chất lượng không khí trong những năm gần đây cho thấy, Thành phố Hà Nội đang phải đối diện với tình trạng ô nhiễm không khí. Thời gian ô nhiễm kéo dài cả về số giờ và số ngày. *(Chi tiết tại phụ lục 2)*

Nhằm cải thiện và khắc phục tình trạng ô nhiễm không khí, Thành phố tập trung triển khai đồng bộ, có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp sau:

1.1.1. Giải pháp về đánh giá thực trạng, xác định các nguồn phát thải gây ô nhiễm; xây dựng hệ thống quan trắc và cảnh báo ô nhiễm (06 nhiệm vụ)

a). Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì thực hiện

- Thực hiện kiểm kê khí thải cấp Thành phố, làm cơ sở cập nhật cơ sở dữ liệu môi trường Thành phố. Thời gian hoàn thành quý II/2026.

- Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu môi trường thành phố Hà Nội. Thời gian hoàn thành trước ngày 30/12/2027.

- Thí điểm phần mềm dự báo chất lượng môi trường không khí ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo AI. Đánh giá hiệu quả của hệ thống trước khi nhân rộng.

- Đầu tư và xây dựng hệ thống quan trắc tự động chất lượng môi trường: không khí, nước. Thời gian thực hiện quý IV/2026.

- Xây dựng cơ chế cảnh báo nguy cơ ô nhiễm không khí và ứng phó với ô nhiễm không khí nghiêm trọng. Thời gian trong tháng 4/2026.

b) Công an Thành phố chủ trì thực hiện

Đầu tư lắp đặt và khai thác hệ thống camera an ninh, camera giám sát trên địa bàn Thành phố; tích hợp AI; đồng bộ hạ tầng kỹ thuật với hệ thống camera an ninh: Công an Thành phố chủ trì, thời gian thực hiện: 2025-2030.

1.1.2. Giải pháp kiểm soát, tập trung xử lý từng nguồn gây ô nhiễm không khí

a) Giải pháp để giảm phát thải từ nguồn giao thông (09 nhiệm vụ)

*** Sở Xây dựng chủ trì thực hiện:**

- Điều tiết, phân luồng giao thông hợp lý để hạn chế tình trạng ùn tắc tại các nút giao thông gây ô nhiễm môi trường: thực hiện thường xuyên.

- Phân vùng giao thông và thu phí phân vùng: Thu phí phương tiện cơ giới đường bộ vào một số khu vực trên địa bàn Thành phố. Thời gian thực hiện: Năm 2026 và thực hiện thường xuyên.

- Giảm phương tiện cá nhân:

+ Đầu tư, hoàn thiện mạng lưới giao thông công cộng (xe buýt, đường sắt đô thị, xe đạp công cộng và các dịch vụ hỗ trợ vận tải khác), tăng số lượng bãi đỗ xe công cộng. Thời gian thực hiện: 2026-2030.

+ Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng giao thông sử dụng năng lượng sạch. Thời gian thực hiện: 2026-2027.

+ Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ tổ chức, cá nhân thực hiện chuyển đổi phương tiện giao thông từ sử dụng nhiên liệu hóa thạch sang sử dụng năng lượng sạch. Thời gian thực hiện: quý II/2026.

- Kiểm soát khí thải ô tô, xe mô tô, xe gắn máy. Thời gian thực hiện: theo lộ trình của Chính phủ.

- Chuyển đổi phương tiện giao thông xanh: thời gian thực hiện: 2026- 2030 và thực hiện thường xuyên, liên tục.

- Đầu tư hoàn thiện hệ thống trạm/trụ sạc, điểm đổi pin và dịch vụ cho phương tiện sử dụng năng lượng sạch: thời gian thực hiện: 2026-2030.

** Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì thực hiện:*

- Quy định về phương án phân vùng môi trường; vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải đã được xác định trong quy hoạch Thủ đô, thời gian hoàn thành: quý III năm 2026.

- Triển khai thực hiện vùng phát thải thấp (theo Nghị quyết số 57/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND Thành phố).

** Sở Quy hoạch kiến trúc, Sở Xây dựng chủ trì thực hiện:*

- Rà soát quy hoạch Thủ đô và các quy hoạch chuyên ngành có liên quan để đảm bảo thuận lợi cho việc thực hiện các giải pháp phát triển hạ tầng kỹ thuật giao thông “xanh”, phân vùng môi trường, vùng phát thải thấp của Thành phố. Thời gian thực hiện: Quý I/2026.

** UBND các xã, phường chủ trì thực hiện:*

- UBND các phường, xã: Tăng cường công tác tưới nước rửa đường để giảm bụi đường hiệu quả, đặc biệt vào những giai đoạn cuối năm khi ô nhiễm không khí nghiêm trọng: Thực hiện thường xuyên, liên tục.

b) Giải pháp để giảm phát thải từ nguồn công nghiệp (02 nhiệm vụ)

** Sở Công thương chủ trì thực hiện:*

Tăng cường áp dụng sản xuất sạch hơn và tiêu dùng bền vững, tiết kiệm năng lượng, phát triển năng lượng tái tạo: thực hiện thường xuyên, liên tục.

** Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì thực hiện:*

Kiểm tra rà soát di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Trước ngày 31/12/2030: hoàn thành công tác xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn Thành phố.

c) Giải pháp để giảm phát thải từ nguồn nông nghiệp (04 nhiệm vụ)

** Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì thực hiện:*

- Thực hiện chính sách hỗ trợ, đầu tư mạng lưới thu gom và tái chế phụ phẩm nông nghiệp tại các địa phương, Hỗ trợ bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản): Xây dựng quy trình tái chế rơm rạ để triển khai thực hiện chính sách để thực hiện ngay trong vụ xuân 2026;

- Giảm nguồn thải Amoniac và các hợp chất hữu cơ bay hơi (VOCs) thông qua khuyến khích áp dụng các phương pháp canh tác nông nghiệp bền vững: giảm sử dụng phân hóa học; áp dụng canh tác hữu cơ.

- Xây dựng các mô hình thí điểm xử lý môi trường chăn nuôi, thủy sản và phụ phẩm nông nghiệp theo hướng tuần hoàn chất thải.

* Ủy ban nhân dân các xã, phường chủ trì thực hiện

Chấm dứt hoàn toàn việc sử dụng than tổ ong; kiểm soát và xử phạt nghiêm các hành vi đốt rơm rạ, đốt rác, chất thải...: thực hiện thường xuyên, liên tục.

d. Giải pháp để giảm phát thải từ nguồn xây dựng (03 nhiệm vụ)

* Sở Xây dựng chủ trì thực hiện

- Tăng cường giám sát và thực thi các biện pháp giảm thiểu bụi tại các công trình xây dựng dân dụng và hạ tầng giao thông; Xây dựng hệ thống giám sát bụi (cảm biến, camera, AI...) tại 100% công trình lớn (>1 ha), giảm bụi (rào chắn, phun sương, rửa xe...) các công trình thi công; Phế thải xây dựng, vật liệu rời phải được đóng bao hoặc chứa trong thùng kín, buộc chặt trước khi cầu lên xe vận chuyển; Thực hiện phủ bạt lên phía trên bãi tập kết đất hữu cơ trong phạm vi dự án để hạn chế tác động của bụi; Bổ sung vật liệu che phủ (cây xanh hoặc vật liệu chuyên dụng) cho các bề mặt đất đang thi công.

* Công an Thành phố, Sở Xây dựng xử phạt nghiêm các xe vận chuyển trên đường giao thông không che chắn, làm rơi vãi vật liệu trên đường.

* UBND các xã, phường chủ trì: tập trung quyết liệt, tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các biện pháp kiểm soát bụi tại công trường xây dựng dân dụng và hạ tầng giao thông; đình chỉ đối với các công trình xây dựng có hoạt động phá dỡ, di dời mà không có phương án đảm bảo yêu cầu bảo vệ môi trường như: che chắn kín, tưới nước dập bụi, đóng bao chất thải,...

1.2. Bảo vệ môi trường nước

1.2.1. Thực hiện giải pháp về quy hoạch, tập trung rà soát quy hoạch đô thị kết hợp bảo vệ môi trường nước; thống nhất quy hoạch thoát nước, quy hoạch chung thủ đô.

- Triển khai Quy hoạch tổng thể Thủ đô toàn bộ các khu phát triển đô thị, công nghiệp có hệ thống thoát nước mưa, nước thải riêng; xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải theo quy chuẩn về tách nước mưa, nước thải; Nước thải sau xử lý được tái sử dụng, bổ cập sông, hồ theo lưu vực.

1.2.2. Hoàn thiện hệ thống thu gom, xử lý, cải tạo cảnh quan, bảo đảm dòng chảy sinh thái.

a. Đối với nước thải sinh hoạt

Tập trung đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý khu vực trong vành đai 4, lưu vực Gia Lâm, Long Biên cũ và các khu dân cư nông thôn. Tập trung, đầu tư dự án thu gom (riêng nước mưa nước thải), xử lý nước thải đô thị theo quy hoạch và theo lưu vực sông; Phấn đấu đến năm 2030 hoàn thành việc đầu tư xây dựng các nhà máy xử lý nước thải theo quy hoạch và các tuyến thu gom chính.

- Lưu vực 4 sông nội đô (Tô Lịch, Kim Ngưu, Lừ, Sét) (07 nhiệm vụ)

* *Sở Xây dựng chủ trì thực hiện:*

- Hoàn thành nghiên cứu bổ sung thu gom nước thải trên sông Tô Lịch từ đập Thanh Liệt đến trạm bơm Yên Sở để xử lý. Tổng mức đầu tư khoảng 500 tỷ đồng từ ngân sách thành phố. Hoàn thành năm 2028.

- Ban hành giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải.

- Đầu tư xây dựng hệ thống nhà máy xử lý nước thải Phú Đô (giảm lượng nước thải về Nhà máy XLNT Yên Xá); nâng cấp chất lượng nước thải đạt tiêu chuẩn cột A Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 14:2025/BTNMT về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung.

- Nghiên cứu bổ sung hệ thống bổ cập nước vào sông Kim Ngưu, Lừ, Sét. Tổng mức đầu tư khoảng 500 tỷ đồng từ ngân sách thành phố.

- Xây dựng lộ trình cải tạo các nhà máy xử lý nước thải vận hành đạt tiêu chuẩn Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 14:2025/BTNMT về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung (cột A) và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 40:2025/BTNMT về nước thải công nghiệp (cột A) vào năm 2032. Tổng mức đầu tư khoảng 2.500 tỷ đồng từ ngân sách thành phố.

* *Ban QLDAĐTXD công trình HTKT và Nông nghiệp Thành phố chủ trì, thực hiện:*

- Xây dựng hệ thống thu gom trên sông Lừ. Hoàn thành năm 2028.

- Hoàn thiện thủ tục đầu tư hệ thống thu gom trên sông Kim Ngưu, Sét về nhà máy xử lý nước thải Yên Sở. Phấn đấu khởi công dịp 02/9/2026. Tổng mức đầu tư 2.600 tỷ đồng từ ngân sách thành phố. Hoàn thành năm 2028.

- Lưu vực sông Cầu Bậy: (01 nhiệm vụ)

* *Sở Tài chính chủ trì thực hiện:*

Kêu gọi đầu tư theo phương thức đối tác công tư PPP: Triển khai đầu tư tổng thể các nhà máy thu gom, xử lý, cải tạo cảnh quan, nạo vét gia cố bờ sông; tổng công suất là 131.000 m³/ngày; tổng mức đầu tư khoảng 6.200 tỷ đồng nguồn ngoài ngân sách.

Thời gian thực hiện: **khởi công 30/4/2026, hoàn thành quý II/2028.**

Đơn vị phối hợp: Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, UBND phường xã có liên quan.

- Lưu vực sông Nhuệ (03 nhiệm vụ):

* *Ban QLDAĐTXD công trình HTKT và Nông nghiệp Thành phố chủ trì, thực hiện:*

- Khởi công trong tháng 6/2026 nhà máy XLNT Kiến Hưng (25.000m³/ngđ, tổng mức đầu tư 740 tỷ đồng), khởi công trong tháng 10/2026 nhà máy XLNT Tây Sông Nhuệ (70.000 m³/ngđ, tổng mức đầu tư 2.950 tỷ đồng từ nguồn ngân sách thành phố), hoàn thành năm 2028.

- Đầu tư trạm bơm Liên Mạc (công suất 70 m³/s, tổng mức đầu tư 3.950 tỷ đồng) nguồn ngân sách thành phố để tạo dòng chảy môi trường, góp phần tăng khả năng tự làm sạch của sông. Khởi công trong tháng 6/2026, hoàn thành năm 2028.

** Sở Tài chính chủ trì thực hiện:*

Kêu gọi đầu tư theo phương thức đối tác công tư PPP: Triển khai đầu tư tổng thể hệ thống thu gom và các nhà máy thu gom, xử lý tổng công suất là 465.000 m³/ngđ; ước tính kinh phí khoảng 17.300 tỷ đồng. Xử lý bùn thải (khoảng 1,2 triệu khối) ước tính kinh phí khoảng 9.600 tỷ đồng. Hoàn thiện hệ thống bờ, cải tạo lòng sông, ước tính kinh phí khoảng 25.000 tỷ đồng. ***Hoàn thành kêu gọi đầu tư trong năm 2026, hoàn thành đầu tư xây dựng 2029. Tổng mức đầu tư khoảng 51.900 tỷ đồng từ nguồn ngoài ngân sách.***

Phối hợp: Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng và UBND các phường xã có liên quan.

- Lưu vực sông Đáy, sông Bùi, sông Tích (đô thị vệ tinh: Sơn Tây, Hòa Lạc) (02 nhiệm vụ):

** Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì thực hiện:*

Đầu tư trạm bơm bổ cập nước vào sông Đáy công suất 22 m³/giờ (khu vực Cẩm Đình) ước tính kinh phí khoảng 1.500 tỷ đồng từ nguồn ngân sách Thành phố để tạo dòng chảy môi trường, góp phần tăng khả năng tự làm sạch của sông khởi công trong tháng 12/2026; hoàn thành trong năm 2028.

** Sở Tài chính chủ trì thực hiện:*

Kêu gọi đầu tư theo phương thức đối tác công tư PPP: Triển khai đầu tư tổng thể hệ thống thu gom và các nhà máy thu gom, xử lý tổng công suất là 270.000 m³/ngđ; ước tính kinh phí khoảng 9.500 tỷ đồng. Xử lý bùn thải (khoảng 1,2 triệu khối) ước tính kinh phí khoảng 9.600 tỷ đồng. Hoàn thiện hệ thống bờ, cải tạo lòng sông, ước tính kinh phí khoảng 40.000 tỷ đồng. Hoàn thành kêu gọi đầu tư trong năm 2027, hoàn thành đầu tư xây dựng 2029. Tổng mức đầu tư khoảng 59.100 tỷ đồng từ nguồn ngoài ngân sách.

Thu gom, xử lý nước thải sẽ được xây dựng theo các khu đô thị vệ tinh được phê duyệt.

- Lưu vực Ngũ Huyện Khê, sông Cà Lồ (đô thị trung tâm phía Bắc sông Hồng và đô thị vệ tinh Sóc Sơn)

** Sở Xây dựng chủ trì, thực hiện:*

- Rà soát, điều chỉnh hệ thống thu gom phát huy hết tiềm năng nhà máy xử lý nước thải Bắc Thăng Long được xây dựng với công suất 42.000 m³/ngđ. **Hoàn thành năm 2026. Ước tính kinh phí khoảng 70 tỷ đồng.**

- Đầu tư các nhà máy phân tán theo đô thị vệ tinh: tổng công suất khoảng 277.000 m³/ngđ tổng kinh phí khoảng 10.200 tỷ đồng từ nguồn ngân sách Thành phố. Triển khai từ quý I năm 2028 hoàn thành quý III năm 2030.

** Sở Tài chính chủ trì thực hiện:*

Triển khai đầu tư tổng thể hệ thống thu gom và các nhà máy thu gom, xử lý tổng công suất là 103.000 m³/ngđ; ước tính kinh phí khoảng 4.000 tỷ đồng. Hoàn thiện hệ thống bờ, cải tạo lòng sông, ước tính kinh phí khoảng 4.000 tỷ đồng. Hoàn thành kêu gọi đầu tư trong năm 2027, hoàn thành đầu tư xây dựng 2029. Tổng mức đầu tư khoảng 9.000 tỷ đồng từ nguồn ngoài ngân sách.

Đối với các nhà máy thuộc lưu vực Cà Lò xem xét kết hợp phát triển đô thị kết hợp xử lý nước thải hiện khu dân cư hiện hữu.

+ Đối với các khu dân cư phân tán, nằm trong các khu đô thị, công nghiệp sắp triển khai, sẽ xây dựng chính sách để thu gom, xử lý nước thải dân cư hiện hữu theo quy hoạch chi tiết của từng dự án cụ thể.

b. Đối với nước thải sản xuất (03 nhiệm vụ):

** Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp Thành phố chủ trì thực hiện:*

Xây dựng lộ trình đến 01/01/2032, nước thải đạt cột A QCVN 40:2025/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp và dẫn xả trực tiếp vào nguồn nước. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm đầu tư, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải.

** Sở Công Thương chủ trì thực hiện:*

Đôn đốc các đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải 21 cụm công nghiệp còn lại, hoàn thành 2027; đối với các cơ sở cụm công nghiệp không thực hiện sẽ yêu cầu di dời trong năm 2028. Đối với các cụm công nghiệp chuyển đổi chức năng đề nghị làm việc rõ về lộ trình chuyển đổi đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 40:2025/BTNMT về nước thải công nghiệp vào 01/01/2032.

** Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, thực hiện:*

Tăng cường kiểm tra, xử lý vi phạm; đề xuất cơ sở ô nhiễm phải dừng hoạt động, di dời.

c. Đối với nước thải y tế:

** Sở Y tế chủ trì thực hiện:*

+ Trước 31/5/2026, tổng hợp chi tiết nội dung hiện trạng xử lý nước thải y tế trên địa bàn thành phố Hà Nội. Rà soát các cơ sở y tế chưa có hệ thống xử lý nước thải; yêu cầu triển khai thực hiện hoàn thành trong năm 2027. Đối với các cơ sở không đảm bảo, giao Sở Y tế thu hồi giấy phép hoạt động.

+ Trước 15/7/2026, xây dựng kịch bản hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải các bệnh viện, cơ sở y tế chưa đầu tư xây dựng. Báo cáo Trung ương đối với các bệnh viện chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung thuộc thẩm quyền quản lý Bộ Y tế. Các cơ sở đã có hệ thống xử lý nước thải yêu cầu xây dựng lộ trình đến 01/01/2032 nâng cấp hệ thống xử lý nước thải đạt quy chuẩn cho phép.

d. Đối với nước thải làng nghề:

Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp UBND các xã tổng hợp số liệu **hoàn thành trước 30/4/2026**. Tập trung xử lý đối với các làng nghề phát sinh nước thải công nghiệp.

+ Tiến hành rà soát đánh giá hiện trạng và đề xuất giải pháp thực hiện xong trước 15/5/2026.

+ Ước tính kinh phí khoảng 500 tỷ đồng từ nguồn ngân sách thành phố.

1.2.3. Hoàn thiện cơ chế tài chính bảo vệ môi trường nước

* *Sở Xây dựng chủ trì, thực hiện:* Ban hành Giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn thành phố Hà Nội: Xây dựng hoàn thiện theo lộ trình bảo đảm được ngân sách thành phố trong việc đầu tư, vận hành các hệ thống thu gom, xử lý nước thải. Bảo đảm nguyên tắc “người dùng nhiều nước phải trả nhiều chi phí xử lý nước”. Đến năm 2035, cân bằng thu tiền xử lý nước thải đủ xử lý nước thải trên địa bàn thành phố. **Trình UBND Thành phố trong quý II năm 2026; bắt đầu thu từ 01/01/2027.**

1.3. Quản lý và xử lý chất thải rắn

Khối lượng chất thải rắn trên địa bàn Thành phố phát sinh lớn, đa dạng về chủng loại và tiếp tục gia tăng nhanh theo quá trình đô thị hóa. Mặc dù đã được đầu tư hạ tầng và từng bước chuyển dịch sang công nghệ xử lý hiện đại, song năng lực xử lý đối với một số loại chất thải vẫn chưa đáp ứng yêu cầu; còn tồn tại tình trạng thiếu hụt công suất, phụ thuộc xử lý ngoài địa bàn và tồn lưu khối lượng lớn từ các giai đoạn trước, tiềm ẩn nguy cơ phát sinh ô nhiễm môi trường (*Chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo*).

Thành phố định hướng hình thành và quản lý hệ thống xử lý chất thải theo 04 phương (Bắc – Đông – Tây – Nam) với 05 khu xử lý chất thải tập trung theo mô hình liên hợp/phức hợp đa chức năng xử lý chất thải, gồm: Khu Liên hợp xử lý chất thải Nam Sơn (xã Trung Giã), Khu xử lý chất thải rắn Xuân Sơn (phường Tùng Thiện và xã Suối Hai), Khu xử lý chất thải Châu Can (xã Chuyên Mỹ), khu xử lý Núi Thoong (xã Xuân Mai) và khu xử lý Cao Dương (xã Cao Dương).

Hệ thống được tổ chức theo nguyên tắc: Phân vùng tiếp nhận hợp lý theo địa lý, giảm bán kính vận chuyển; Bảo đảm cân bằng phát sinh - xử lý chất thải đến năm 2030 và các giai đoạn tiếp theo; Hình thành, chuyển đổi các mô hình liên hợp/phức hợp xử lý đa dòng chất thải, phát thải thấp; Bố trí quỹ đất dự phòng để tích hợp công nghệ mới trong dài hạn và khả năng liên kết liên tỉnh khi cần thiết.

Thành phố tập trung triển khai các nhóm giải pháp trọng tâm sau:

1.3.1. Hoàn thiện quy hoạch và bảo đảm quỹ đất đầu tư hạ tầng chất thải (03 nhiệm vụ):

** Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì:*

- Rà soát, cập nhật hoàn thiện Quy hoạch chất thải rắn bảo đảm đáp ứng nhu cầu về xử lý chất thải phát sinh trên địa bàn Thành phố, phù hợp với yêu cầu đổi mới, nâng cao chất lượng vệ sinh môi trường trên địa bàn Thành phố, đầu tư hiệu quả, tiết kiệm.

- Tham mưu UBND Thành phố bố trí quỹ đất theo Quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt để đầu tư xây dựng hạ tầng các trạm trung chuyển quy mô cấp Thành phố, các khu xử lý chất thải tập trung theo các giai đoạn 2026-2030, 2030-2045 và 2045-2065 và dự phòng mở rộng dài hạn, không để phát sinh “điểm nghẽn” xử lý trong tương lai.

** UBND các xã, phường chủ trì:*

- Rà soát, bố trí quỹ đất thực hiện xây dựng, nâng cấp, cải tạo các điểm tiếp nhận rác, trạm trung chuyển cấp xã/phường đồng bộ với mạng lưới các trạm trung chuyển, khu xử lý tập trung của Thành phố.

1.3.2. Đầu tư hoàn thiện hạ tầng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải (05 nhiệm vụ):

** Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì:*

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án xử lý chất thải, phấn đấu đến cuối năm 2027 sẽ cân bằng giữa phát thải và khả năng xử lý đối với các loại chất thải; đồng thời dự phòng khả năng xử lý chất thải phát sinh cho các năm tiếp theo của Thành phố (*Chi tiết tại Phụ lục 6 kèm theo*).

- Đẩy nhanh các dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt để xử lý toàn bộ rác thải đã chôn lấp tồn lưu tại Khu Liên hợp xử lý chất thải Nam Sơn, Khu xử lý chất thải rắn Xuân Sơn.

- Tổ chức điều phối phân luồng tiếp nhận chất thải giữa các khu xử lý tập trung của Thành phố, tối ưu hóa khoảng cách vận chuyển và hiệu quả vận hành của hệ thống xử lý.

** UBND các xã, phường chủ trì:*

- Tập trung đầu tư, nâng cấp hệ thống điểm tập kết, trạm trung chuyển phục vụ nội xã, phường đáp ứng các quy định bảo vệ môi trường, mỹ quan đô thị và an toàn giao thông; xoá bỏ triệt để các điểm tập kết tự phát, gây ô nhiễm môi trường. Thời gian thực hiện: Năm 2026.

- Đẩy mạnh đầu tư hệ thống thu gom, vận chuyển hiện đại, đáp ứng yêu cầu phân loại rác tại nguồn của Thành phố; Áp dụng tối đa phương thức thu gom bằng cơ giới thay thế thủ công; tối ưu hóa ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số và tự động hóa trong thu gom, vận chuyển, quản lý giám sát; sử dụng phương tiện thu gom, vận chuyển dùng nhiên liệu xanh theo lộ trình triển khai các vùng phát thải thấp. Thời gian thực hiện: 2026-2030.

1.3.3. Phát triển kinh tế tuần hoàn và quản lý theo chuỗi giá trị chất thải (08 nhiệm vụ):

** Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì:*

- Tham mưu UBND Thành phố tổ chức thực hiện hiệu quả việc phân loại chất thải tại nguồn, giảm phát thải nhựa trên toàn địa bàn Thành phố; theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc việc tổ chức thực hiện tại các địa phương. Giai đoạn sau năm 2030, đẩy mạnh thu gom, xử lý riêng chất thải thực phẩm nhằm tạo điều kiện tối đa cho việc tái chế, tái sử dụng và tận dụng chất thải, giảm áp lực cho các khu xử lý tập trung, từng bước hình thành mô hình quản lý chất thải theo hướng kinh tế tuần hoàn.

- Tham mưu các cơ chế, chính sách khuyến khích sử dụng sản phẩm tái chế chất thải xây dựng trong đầu tư công, thúc đẩy thị trường vật liệu tái chế từ chất thải rắn xây dựng. Thời gian thực hiện: Năm 2026.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các chế tài xử lý vi phạm theo quy định.

** UBND các xã, phường chủ trì:*

- Tập trung tổ chức thực hiện nghiêm túc phân loại chất thải tại nguồn, giảm phát thải nhựa trên địa bàn, gắn với trách nhiệm cụ thể của từng chủ nguồn thải, đồng bộ với hạ tầng thu gom, vận chuyển chất thải trên địa bàn, phù hợp với định hướng của Thành phố.

- Khuyến khích thực hiện tái chế, tái sử dụng và tận dụng chất thải, giảm thiểu, tiến tới hạn chế sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần, bao bì khó phân hủy, khuyến khích thay thế bằng các sản phẩm thân thiện môi trường.

- Từng bước hình thành mô hình quản lý chất thải theo hướng kinh tế tuần hoàn; hình thành và phát triển hạ tầng tái chế chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại, bao gồm các điểm tiếp nhận, trạm phân loại, cơ sở tái chế phù hợp với quy hoạch và điều kiện thực tế.

- Hình thành chuỗi thu hồi – tái chế – tái sử dụng chất thải có kiểm soát; từng bước chấm dứt các cơ sở tái chế lạc hậu, thủ công, phi chính thức; yêu cầu đưa chất thải tái chế vào tiếp nhận, phân loại, tái chế tại các khu tái chế tập trung chính thức được cấp phép.

- Tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức cộng đồng về giảm phát sinh chất thải, phân loại chất thải tại nguồn và việc chấp hành các quy định về bảo vệ môi trường;

1.3.4. Đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ (04 nhiệm vụ):

** Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì:*

- Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý chất thải rắn, từng bước hình thành trung tâm điều hành quản lý chất thải rắn tập trung của Thành phố; ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số trong công tác quản lý, bảo đảm kết nối, giám sát, điều hành hiệu quả, thống nhất trên địa bàn Thành phố. Thời gian thực hiện: 2026-2030.

- Ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số trong công tác quản lý chất thải rắn; nghiên cứu ứng dụng mô hình quản lý chất thải thông minh; tối ưu hóa điều phối luồng rác, cảnh báo vi phạm, dự báo khối lượng phát sinh để chủ động điều hành quản lý.

* *UBND các xã, phường chủ trì:*

- Ứng dụng công nghệ thông tin, mô hình quản lý, giám sát thông minh trong quy trình thu gom, vận chuyển chất thải trên địa bàn; cập nhật, tích hợp cơ sở dữ liệu với hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý chất thải rắn của Thành phố.

- Đầu tư, lắp đặt và khai thác hiệu quả hệ thống camera giám sát; tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu với hệ thống camera an ninh và các nền tảng giám sát đô thị thông minh của Thành phố, nhằm hỗ trợ công tác kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm trên địa bàn.

2. Các giải pháp đồng bộ đi kèm

2.1. Giải pháp nhân sự

- Nâng cao năng lực quản lý cho các cán bộ chuyên môn về môi trường, đáp ứng yêu cầu về mới trong bảo vệ môi trường; tạo điều kiện cho việc học hỏi kinh nghiệm thực tiễn của các nước tiên tiến, có kinh nghiệm và đã thành công trong việc bảo vệ môi trường trên thế giới.

- Đối với các lĩnh vực chuyên sâu, thuê chuyên gia trong nước và nước ngoài để tư vấn thực hiện một số nội dung khó, cần hàm lượng chất xám cao, kinh nghiệm quốc tế và chuyên môn sâu.

2.2. Hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, tăng cường năng lực thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường

- Hoàn thiện bổ sung Luật Thủ đô để có cơ chế, biện pháp xử lý vấn đề môi trường Thủ đô và vùng Thủ đô phù hợp thực tiễn.

- Phổ biến và triển khai các cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đặc thù của Thủ đô nhằm khuyến khích các hoạt động đầu tư xử lý ô nhiễm và bảo vệ môi trường cho thành phố Hà Nội; khuyến khích mọi cá nhân, tổ chức áp dụng kỹ thuật và công nghệ cao để phát triển các ngành sản xuất xanh, tạo sản phẩm thân thiện với môi trường, phát sinh ít chất thải; chú trọng tới các lĩnh vực sản xuất truyền thống và là thế mạnh của Thủ đô.

- Rà soát, ban hành và hoàn thiện các quy định quản lý chất thải rắn phù hợp Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành, phù hợp với thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.

- Tập trung rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách đặc thù nhằm tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án xử lý, tái chế chất thải, đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị và các dự án trọng điểm của Thành phố.

- Nghiên cứu ban hành quy định áp dụng các công cụ kinh tế và cơ chế quản lý nhằm điều tiết hành vi phát sinh chất thải, thực hiện nguyên tắc “người gây ô nhiễm phải trả tiền” đảm bảo chi phí xử lý chất thải được phản ánh đầy đủ vào chi phí sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng.

2.3. Tập trung nguồn lực đầu tư mở rộng không gian xanh đô thị, xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật về môi trường

- Tập trung đẩy mạnh phát triển, mở rộng và kết nối hệ thống không gian xanh đô thị một cách đồng bộ, hiệu quả; ưu tiên quỹ đất và nguồn lực đầu tư cho công viên, cây xanh, mặt nước, bảo đảm cải thiện rõ rệt chất lượng môi trường, nâng cao sức khỏe cộng đồng và chất lượng sống của người dân.

- Thu hút các dự án đầu tư thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, nước thải

sinh hoạt trên địa bàn thành phố.

- Triển khai thực hiện các Dự án đầu tư xây dựng hệ thống phân loại tài nguyên, thu gom, vận chuyển và các khu xử lý chất thải rắn theo Quy hoạch xử lý chất thải rắn của Thủ đô Hà Nội.

- Triển khai thực hiện các Dự án đầu tư xây dựng công trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố Hà Nội theo Quy hoạch tổng thể Thủ đô Hà Nội.

- Ưu tiên phân bổ ngân sách cho bảo vệ môi trường kết hợp đầu tư PPP; tăng dần tỷ lệ phân bổ cho hoạt động sự nghiệp bảo vệ môi trường theo sự tăng trưởng của nền kinh tế.

- Đổi mới cơ chế cho vay vốn ưu đãi; bổ sung nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, tạo cơ chế huy động các nguồn vốn trong và ngoài nước; mở rộng phạm vi hoạt động, loại hình hỗ trợ đáp ứng nhu cầu đa dạng cho vay của Quỹ đầu tư phát triển thành phố Hà Nội nhằm đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường trên địa bàn Thành phố.

2.4. Tuyên truyền, nâng cao ý thức trách nhiệm về bảo vệ môi trường

- Xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ban, ngành và các cơ quan truyền thông trong công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật về bảo vệ môi trường, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên; huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị trong các hoạt động tuyên truyền, giáo dục, phổ biến các quy định, cơ chế chính sách về bảo vệ môi trường, từng bước thay đổi từ nhận thức đến hành động tự giác trong công tác bảo vệ môi trường.

- Tiếp tục các hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho cộng đồng theo hướng đổi mới nội dung, đa dạng hóa hình thức tuyên truyền; tổng kết, nhân rộng các mô hình tự quản; tăng cường vai trò của cộng đồng trong việc giám sát các hoạt động bảo vệ môi trường, tổ chức thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật, kiến thức về bảo vệ môi trường, biến đổi khí hậu trong các trường học theo hướng tăng thời lượng và đưa vấn đề biến đổi khí hậu vào nội dung giáo dục môi trường trong các cấp học, bậc học thuộc Thành phố.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Tổng kinh phí 2026–2030 ước khoảng: 183.859 tỷ đồng, trong đó: nguồn vốn ngân sách khoảng 29.299 tỷ đồng; nguồn vốn xã hội hóa khoảng 154.560 tỷ đồng (*chi tiết tại phụ lục 3,4,7*), cụ thể:

- + Không khí: dự kiến khoảng 2.981 tỷ đồng, trong đó nguồn vốn ngân sách khoảng 2.283 tỷ đồng tập trung cho hạ tầng chuyển đổi giao thông xanh, hệ thống quan trắc tự động...; nguồn vốn xã hội hóa khoảng 698 tỷ đồng.

- + Nước: khoảng 152.490 tỷ đồng trong đó: nguồn vốn ngân sách là 26.290 tỷ đồng; nguồn vốn xã hội hoá là 126.200 tỷ đồng (bao gồm kinh phí thực hiện hệ

thống thu gom, xử lý nước thải; cải tạo, nạo vét lòng sông và xử lý bùn thải, hệ thống quan trắc).

+ Chất thải rắn: 28.388 tỷ đồng, trong đó: nguồn vốn ngân sách là 726 tỷ đồng; nguồn vốn xã hội hoá là 27.662 tỷ đồng (bao gồm kinh phí thực hiện các dự án đầu tư hạ tầng trung chuyên, xử lý chất thải).

Kinh phí cụ thể thực hiện nhiệm vụ sẽ được tính toán và phê duyệt chi tiết dựa theo nhu cầu đầu tư của từng dự án, nhiệm vụ và tuân theo các yêu cầu, hướng dẫn của pháp luật về quản lý ngân sách và đầu tư xây dựng.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Chương trình, tổng hợp và đôn đốc các sở, ban, ngành, UBND các phường, xã tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ, dự án đã được phân công.

- Chỉ đạo các đơn vị chức năng thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến theo dõi tổng hợp cập nhật thông tin về diễn biến ô nhiễm môi trường trên địa bàn Thành phố kịp thời đề xuất biện pháp quản lý khắc phục các vấn đề về ô nhiễm môi trường.

- Là đầu mối tiếp nhận thông tin, kết quả thực hiện của các đơn vị, tổng hợp kết quả; Định kỳ hàng tháng báo cáo UBND Thành phố về tình hình triển khai thực hiện Chương trình; xin ý kiến chỉ đạo kịp thời của Thành ủy, HĐND, UBND thành phố để giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

2. Sở Xây dựng

- Tham mưu triển khai các nội dung, nhiệm vụ chuyển đổi phương tiện giao thông xanh và hạ tầng trạm sạc xe điện trên địa bàn thành phố Hà Nội theo Quyết định số 3763/QĐ-UBND ngày 14/7/2025 của UBND Thành phố.

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện các dự án xử lý nước thải theo lưu vực đã được phê duyệt tại Quyết định số 1569/QĐ-TTg ngày 12/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065 và Quy hoạch thoát nước Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện các dự án xử lý nước thải Quy hoạch đã được duyệt. Ưu tiên triển khai theo tổng thể các lưu vực, đồng bộ cảnh quan sông và hạ tầng đô thị, bảo đảm nguyên tắc đầu tư từ thượng nguồn đến hạ lưu các sông.

- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ trong công tác thoát nước đô thị, hạ tầng xử lý nước thải, chỉnh trang đô thị dọc các sông nội đô,...; Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Sở Tài chính

- Báo cáo UBND Thành phố xem xét, cân đối, bố trí kế hoạch vốn từ ngân sách Thành phố để triển khai thực hiện các dự án về môi trường.

- Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện các thủ tục đầu tư khi tham gia đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh các dự án đầu tư theo phương thức xã hội hóa và các hình thức đầu tư khác. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư liên quan đến chủ trương đầu tư, lựa chọn nhà đầu tư,... các dự án. Đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân các dự án đầu tư công nhằm phát huy hiệu quả sử dụng vốn.

4. Công an Thành phố

- Kết hợp giữa tuyên truyền, vận động với cưỡng chế, xử lý nhằm tăng cường ý thức, trách nhiệm tuân thủ pháp luật, trách nhiệm xã hội về bảo vệ môi trường của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, người dân.

- Thường xuyên kiểm tra, xử lý nghiêm, công khai các trường hợp vi phạm: chõr vật liệu xây dựng không che chắn, làm rơi vãi vật liệu; các hành vi đốt chất thải rắn công nghiệp, đốt rác thải sinh hoạt trái phép, không đúng quy định.

- Sớm đồng bộ hạ tầng kỹ thuật với hệ thống camera an ninh, camera giám sát giao thông tích hợp AI để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát và kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi, đối tượng vi phạm.

5. Sở Công Thương và Ban quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp Thành phố

Chủ trì rà soát các khu, cụm công nghiệp về xử lý nước thải, khí thải trên địa bàn thành phố; giám sát hoạt động xả thải của các đơn vị hoạt động trong khu, cụm công nghiệp.

6. Sở Y tế

Chủ trì và phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc quản lý hoạt động xử lý nước thải của các cơ sở y tế trên địa bàn Thành phố theo quy định.

7. UBND các xã, phường

- Chủ tịch UBND các xã, phường chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND Thành phố nếu để xảy ra tình trạng ô nhiễm môi trường trên địa bàn.

- UBND các xã, phường triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao theo chương trình bảo đảm đúng tiến độ, lộ trình đã được duyệt.

- Đề xuất bố trí ngân sách, kinh phí có lộ trình cụ thể từ nay đến năm 2030 để bảo đảm cân đối ngân sách theo phân cấp thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường; gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố, HĐND Thành phố xem xét, phê duyệt theo quy định.

- Tập trung tổ chức thực hiện phân loại rác tại nguồn; đầu tư hoàn thiện hạ tầng thu gom, vận chuyển, các điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn trên địa bàn theo định hướng của Thành phố.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát, xử lý các vi phạm về bảo vệ môi trường theo thẩm quyền.

- Tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan thông tấn báo chí, thông tin truyền thông trong việc tiếp nhận thông tin phản ánh, chia sẻ thông tin về thực hiện chính sách.

- Tổ chức triển khai thực hiện các nội dung theo đúng chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước chuyên ngành được giao; định kỳ hàng tháng (trước ngày 25 hằng tháng) báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp báo cáo UBND Thành phố.

6. Các cơ quan báo, đài thành phố

Tăng cường tuyên truyền các cơ chế, chính sách, pháp luật, công tác thực thi pháp luật của các cơ quan chức năng, các mô hình, kinh nghiệm giải quyết ô nhiễm môi trường trong và ngoài nước nhằm tạo chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức, sự đồng thuận và thống nhất hành động trong toàn hệ thống chính trị và toàn dân của Thủ đô./.

Phụ lục 1
CÁC CHỈ TIÊU THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2026 – 2030 VÀ CÁC NĂM TIẾP THEO

TT	Chỉ tiêu	Giai đoạn trước mắt (2026-2027)	Giai đoạn 2027-2030	Các năm tiếp theo	Ghi chú
I KHÔNG KHÍ					
1	Tỷ lệ số ngày trong năm có chỉ số chất lượng không khí (AQI) ở mức tốt và trung bình (theo số liệu các trạm quan trắc chuẩn của Quốc gia và Thành phố).	75% trở lên	80% trở lên	> 80%	Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Hà Nội lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2025-2030
2	Nồng độ bụi mịn PM _{2.5}	-	Nồng độ bụi PM _{2.5} trung bình năm vào năm 2030 đạt dưới 40 $\mu\text{g}/\text{m}^3$ (giảm 20% so với mức trung bình năm 2024 là 70 $\mu\text{g}/\text{m}^3$)	Giảm trung bình 5 $\mu\text{g}/\text{m}^3$ theo mỗi kỳ kế hoạch 5 năm, mục tiêu đến năm 2045, nồng độ bụi PM _{2.5} đạt mức quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường không khí xung quanh. Chất lượng môi trường không khí tại Hà Nội duy trì ở mức tốt	QCVN 05:2023/BT NMT quy định PM _{2.5} trung bình năm là 25 $\mu\text{g}/\text{m}^3$
II MÔI TRƯỜNG NƯỚC					
1	Tỷ lệ thu gom nước thải sinh hoạt đô thị đạt 70%, trong đó:	50%	70%	90%	
	Tỷ lệ nước thải được thu gom thuộc lưu vực thu gom 04 sông nội đô Tô Lịch, Kim Ngưu, Lừ, Sét	50%	100%	100%	
	Tỷ lệ thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt nông thôn	20%	40%	80%	
6	Tỷ lệ thu gom, xử lý nước thải làng nghề	30%	50%	80%	
III CHẤT THẢI RẮN					

1	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại tại nguồn, thu gom, xử lý theo tiêu chuẩn, quy chuẩn	Tỷ lệ xử lý bằng phương pháp chôn lấp dưới 10%	100%	100%	
2	Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý (bao gồm chất thải y tế)		100%	100%	
3	Tỷ lệ chất thải rắn xây dựng phát sinh được thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định		100%	100%	
4	Tỷ lệ công trình dự án sử dụng vật liệu tái chế từ chất thải rắn xây dựng		100%	100%	

Phụ lục 2

TỔNG QUAN HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ

1. Hiện trạng môi trường không khí

- Năm 2024:

+ Trạm cố định tại 46 Lưu Quang Vũ: số ngày chất lượng không khí đạt mức “Tốt” chiếm 30,3%, số ngày chất lượng không khí đạt mức “Trung bình” chiếm 51%, số ngày chất lượng không khí đạt mức “Kém” chiếm 18,7%, không có ngày nào chất lượng không khí đạt mức “Xấu” và “Nguy hại”. Tỷ lệ số ngày chất lượng không khí đạt mức Tốt và Trung bình chiếm 81,3%.

+ Trạm cố định Minh Khai: số ngày chất lượng không khí đạt mức “Tốt” chiếm 20,9%, số ngày chất lượng không khí đạt mức “Trung bình” chiếm 45,4%; số ngày chất lượng không khí đạt mức “Kém” chiếm 32,5%, số ngày chất lượng không khí đạt mức “Xấu” chiếm 1,2%. Tỷ lệ số ngày chất lượng không khí đạt mức “Tốt” và “Trung bình” chiếm 66,3%.

- Năm 2025:

+ Trạm Lưu Quang Vũ: số ngày chất lượng không khí đạt mức “Tốt” chiếm 42,2%, mức “Trung bình” chiếm 37,5%, mức “Kém” chiếm 19,8%, mức “Xấu” chiếm 0,6%.

+ Trạm Minh Khai: số ngày chất lượng không khí đạt mức “Tốt” chiếm 17,5%, mức “Trung bình” chiếm 55%, mức “Kém” chiếm 24,5%, số ngày chất lượng không khí đạt mức “Xấu” chiếm 2,2%, mức “Nguy hại” chiếm 0,9%.

+ Trạm Nguyễn Văn Cừ: số ngày chất lượng không khí đạt mức “Tốt” chiếm 20,9%, mức “Trung bình” chiếm 48,9%, mức “Kém” chiếm 29,1%, số ngày chất lượng không khí đạt mức “Xấu” chiếm 1,1%.

+ Trạm Giải Phóng: số ngày chất lượng không khí đạt mức “Tốt” chiếm 40,2%, mức “Trung bình” chiếm 33,3%, mức “Kém” chiếm 24,7%, số ngày chất lượng không khí đạt mức “Xấu” chiếm 1,7%.

+ Trạm Khuất Duy Tiến: số ngày chất lượng không khí đạt mức “Tốt” chiếm 45,6%, mức “Trung bình” chiếm 39%, mức “Kém” chiếm 15,4%.

2. Hiện trạng chất thải rắn

Hiện trạng phát sinh, xử lý của các loại chất thải rắn trong năm 2025 như sau:

a) Chất thải rắn sinh hoạt (CTRS): Khối lượng CTRSH phát sinh trên địa bàn các xã, phường trung bình năm 2025 được phân luồng tiếp nhận và xử lý chủ yếu tại Khu liên hợp xử lý chất thải Nam Sơn và Khu xử lý chất thải rắn Xuân Sơn (khoảng 7.600 tấn/ngày), trong đó:

- Khu liên hợp xử lý chất thải Nam Sơn: Đốt rác phát điện (Nhà máy điện rác Sóc Sơn: công suất tiếp nhận, xử lý năm 2025 trung bình 4.296 tấn/ngày); xử lý bằng chôn lấp hợp vệ sinh khoảng 1.750 tấn/ngày.

- Khu xử lý chất thải rắn Xuân Sơn: Đốt rác phát điện: (1) Nhà máy điện rác Seraphin: công suất tiếp nhận, xử lý từ 01/5 - 31/12/2025 trung bình 1.468 tấn/ngày); (2) Nhà máy xử lý chất thải Xuân Sơn do Hợp tác xã Thành Công làm chủ đầu tư, công suất xử lý trung bình là 53 tấn/ngày. Còn lại, xử lý bằng chôn lấp hợp vệ sinh khoảng 430 tấn/ngày.

b) Chất thải rắn xây dựng (CTRXD): Ước tính khối lượng CTRXD phát sinh khoảng 2.550 tấn/ngày, có thể tăng đột biến tại các thời điểm triển khai dự án trọng điểm. Thành phố hiện có 03 vị trí xử lý chất thải rắn xây dựng với tổng công suất xử lý khoảng 1.320 tấn/ngày, bao gồm: 01 điểm chôn lấp CTRXD tại Nguyên Khê quy mô 4,8 ha, công suất tiếp nhận, xử lý 360 tấn/ngày do Công ty Cổ phần xử lý CTXD & ĐTPT Môi trường Hà Nội vận hành; 02 điểm trung chuyển tạm thời và tái chế CTRXD bằng công nghệ nghiền với công suất khoảng 960 tấn/ngày (khu vực 6,5 ha nút giao Pháp Vân - Cầu Giẽ (Phường Yên Sở) khoảng 480 tấn/ngày, tại phường Phúc Lợi khoảng 480 tấn/ngày).

c) Bùn thải: Khối lượng phát sinh trung bình 1.500 tấn/ngày, bao gồm từ các nguồn chính: từ nhà máy xử lý nước thải (150 tấn/ngày), bùn nạo vét cống, rãnh, kênh, mương, hồ, bùn đào từ công trình xây dựng (1.300 tấn/ngày). Trên địa bàn Thành phố hiện nay chỉ có duy nhất bãi bùn thải thoát nước Yên Sở đang thực hiện tiếp nhận bùn thải với khối lượng trung bình khoảng hơn 1.500 tấn/ngày, dự kiến bãi bùn Yên Sở đến hết năm 2030 sẽ đầy.

d) Phân bùn bể phốt:

Ước tính khối lượng phân bùn bể phốt hiện nay phát sinh đạt khoảng 1.495 tấn/ngày. Hiện nay, Thành phố Hà Nội mới chỉ có 01 cơ sở xử lý PBBP công suất 300m³/ngày (tương đương 150 tấn/ngày) tại Khu xử lý chất thải Cầu Diễn do Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Hà Nội (Urenco) là chủ đầu tư, mới đáp ứng được 10% so với khối lượng phát sinh trên địa bàn Thành phố.

Ngoài ra các đơn vị tư nhân tham gia thu gom, vận chuyển và xử lý ngoài phạm vi Thành phố (liên tỉnh) giống chất thải công nghiệp thông thường; một phần PBBP chủ yếu phát sinh từ nhà dân được tận dụng trong nông nghiệp theo hình thức nhỏ lẻ, tự phát, khó kiểm soát.

e) Chất thải công nghiệp: Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trên địa bàn Thành phố ước khoảng 646 tấn/ngày; hiện nay, việc xử lý chất thải thường được các đơn vị có chức năng theo quy định xử lý tại Thành phố và các tỉnh lân cận.

Khối lượng chất thải công nghiệp nguy hại phát sinh khoảng 226 tấn/ngày, cơ bản xử lý được toàn bộ lượng CTNH phát sinh (04 cơ sở xử lý đặt tại Hà Nội và khoảng 40 cơ sở xử lý đặt tại các tỉnh, thành lân cận). Trên địa bàn Thành phố hiện có 01 Khu liên hợp xử lý chất thải Nam Sơn với công suất xử lý khoảng 80 tấn/ngày.

f) Chất thải y tế: Ước tính trung bình mỗi ngày hệ thống y tế trên địa bàn Thành phố phát sinh khoảng 27–30 tấn chất thải y tế, trong đó chất thải rắn y tế nguy hại phát sinh khoảng 7,8 tấn/ngày (trong đó: các bệnh viện trung ương, bộ, ngành phát sinh khoảng 5,1 tấn/ngày; các cơ sở y tế trực thuộc Sở Y tế quản lý phát sinh khoảng 2,7 tấn/ngày). Tỷ lệ thu gom, xử lý đạt 100% thông qua việc ký hợp đồng và bàn giao cho các đơn vị có chức năng xử lý. Khu xử lý chất thải Cầu Diễn

đang vận hành hệ thống xử lý chất thải y tế nguy hại bằng công nghệ hấp, công suất khoảng 15 tấn/ngày, đã đáp ứng được toàn bộ yêu cầu xử lý chất thải y tế nguy hại của Thành phố.

3. Môi trường nước

Trong giai đoạn 2026 - 2030 tập trung xử lý, làm sạch các sông bị ô nhiễm nặng, không còn khả năng tiếp nhận nước thải là: sông Tô Lịch, Kim Ngưu, Lừ, Sét, Nhuệ, Đáy, Cầu Bây, đồng thời xem xét một số sông khác như: Ngũ Huyện Khê, Cà Lò, Tích, Bùi...

- Nước thải công nghiệp:

+ Các Khu công nghiệp (KCN):

Hiện nay, trên địa bàn Thành phố có 10 KCN tập trung đã đi vào hoạt động với diện tích 1.348 ha và hơn 700 dự án. Có 10/10 Khu công nghiệp đều có hệ thống thu gom, thoát nước mưa chung cho Khu công nghiệp, tách biệt hoàn toàn với hệ thống thu gom nước thải. Tổng lượng nước thải phát sinh: Khoảng 19.000 m³/ngày.đêm, tổng công suất thiết kế của các trạm xử lý nước thải đang hoạt động: 39.800 m³/ngày đêm.

Đã có 09/10 KCN hoàn thành việc xây dựng nhà máy xử lý nước thải tập trung và đưa vào hoạt động chính thức, đó là các KCN: Bắc Thăng Long; Nội Bài; Quang Minh I; Nam Thăng Long; Hà Nội-Đài Tư; Phú Nghĩa; Thạch Thất-Quốc Oai; riêng 02 KCN Sài Đồng B và Khu công viên CNTT Hà Nội sử dụng chung nhà máy xử lý nước thải tập trung đặt tại khu công viên công nghệ thông tin; KCN Hồ trợ Nam Hà Nội chưa vận hành chính thức, các doanh nghiệp đang triển khai xây dựng. Đã có 09/10 KCN lắp đặt quan trắc tự động liên tục nước thải và truyền dữ liệu về Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội để theo dõi, giám sát.

Đối với các doanh nghiệp thứ phát trong các KCN: Hầu hết các doanh nghiệp trong KCN đã hoàn thiện việc đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN; các doanh nghiệp phát sinh nước thải phải tiến hành xử lý sơ bộ đạt tiêu chuẩn KCN trước khi được thu gom vào trạm xử lý nước thải tập trung của KCN để xử lý đạt Quy chuẩn trước khi xả ra môi trường. Một số Doanh nghiệp có phát sinh nước thải sản xuất đã tự xử lý nước thải và đã được giấy phép môi trường như Công ty TNHH Meiko Việt Nam ở KCN Thạch Thất-Quốc Oai, KCN Thăng Long; Công ty TNHH Hoya Glass disk Việt Nam ở KCN Thăng Long, Chi nhánh Công ty Cổ phần sản xuất thức ăn chăn nuôi C.P. Việt Nam – Nhà máy chế biến sản phẩm thịt Hà Nội ở KCN Phú Nghĩa...

+ KCNC Hòa Lạc:

Tổng diện tích đất Khu Công nghệ cao Hòa Lạc theo quy hoạch là 1.586 ha, trong đó diện tích đất khả dụng có thể cho thuê theo quy hoạch phân khu là khoảng 987 ha, diện tích đất khả dụng đã cho thuê là khoảng 295 ha (đạt khoảng 30%), diện tích chưa cho thuê là khoảng 692 ha, diện tích đất cây xanh theo quy hoạch là khoảng 149 ha, diện tích hồ Tân Xã và vùng đệm khoảng 150 ha, tỷ lệ lấp đầy 30%. KCNC Hòa Lạc hiện có 120 dự án đầu tư (bao gồm dự án đã đi vào hoạt

động và dự án đầu tư đang thực hiện các thủ tục về đầu tư, quy hoạch, xây dựng,...). Các công trình xử lý chất thải của khu gồm có hệ thống đường ống thu gom nước thải bố trí dọc theo các tuyến đường; tuyến ống thu gom nước thải từ khu vực phía Nam Đại lộ Thăng Long về khu vực phía Bắc Đại lộ Thăng Long; các trạm bơm, hố ga, điểm đầu nối, cửa xả và các công trình phụ trợ khác nhằm mục đích thu gom, tiêu thoát nước thải. Hiện nay, KCNC Hòa Lạc đã hoàn thành xây dựng và vận hành Hệ thống xử lý nước thải tập trung theo quy định. Hệ thống xử lý nước thải công suất 6.000 m³/ngày.đêm được xây dựng bằng vốn ngân sách Nhà nước (NSNN) và Hệ thống nước thải công suất 36.000 m³/ngày.đêm (với 6 đơn nguyên, mỗi đơn nguyên có công suất xử lý là 6.000 m³/ngày.đêm) được xây dựng bằng vốn vay ODA tại khu vực phía Bắc Đại lộ Thăng Long.

+ Các cụm công nghiệp (CCN)

Hiện có 49/70 CCN đang hoạt động đã có trạm xử lý nước thải (XLNT), trong đó có: 39 trạm XLNT tập trung được đầu tư cho 42 CCN, riêng 01 CCN Dương Liễu, huyện Hoài Đức cũ đã được thu gom, xử lý tại Nhà máy XLNT Cầu Ngà; 06 CCN đã được đầu tư trạm XLNT trong CCN giai đoạn 2; 01 CCN làng nghề Thanh Thùy có trạm XLNT được khởi công ngày 26/11/2024. Còn 21/70 CCN đang hoạt động chưa đầu tư XLNT, trong đó: 04 CCN sẽ đầu nối vào giai đoạn 2 (sau khi hoàn thành xây dựng); 05 CCN sẽ được đầu tư trong giai đoạn 2 của CCN; 01 CCN đề xuất không xây dựng trạm XLNT do không có nước thải (CCN Yên Sơn, huyện Quốc Oai cũ). 11 CCN dự kiến chuyển đổi chức năng.

Tỷ lệ CCN có hệ thống XLNT tập trung đạt tỷ lệ 97,5% (chưa hoàn thành được chỉ tiêu giao là 100%). Để đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu, cần phải đầu tư xây dựng trạm XLNT tại CCN Chàng Sơn – giai đoạn 2, huyện Thạch Thất (cũ), hiện CCN vẫn đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

- Nước thải làng nghề

Hà Nội hiện có khoảng 1.350 làng nghề và làng có nghề; đã công nhận 337 làng nghề, nghề truyền thống và làng nghề truyền thống (gồm 330 làng nghề, làng nghề truyền thống và 07 nghề truyền thống); trong đó 248/330 làng nghề, làng nghề truyền thống đã có phương án bảo vệ môi trường làng nghề được duyệt, 44/330 làng nghề đã mai một theo tiêu chí tại Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ; 17 làng nghề thuộc phạm vi thu gom, xử lý nước thải của 09 Dự án/Nhà máy xử lý nước thải tập trung của làng nghề hoặc tại khu vực có làng nghề và 187 làng nghề có hệ thống thoát nước tập trung. Thời gian qua, công tác bảo vệ môi trường tại các làng nghề đã ghi nhận nhiều chuyển biến tích cực, tuy nhiên, nhiều làng nghề hiện nay vẫn chưa có hệ thống thu gom và xử lý nước thải đạt chuẩn; nước thải không được xử lý đạt tiêu chuẩn xả ra môi trường gây ô nhiễm kéo dài.

UBND Thành phố đã giao Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tăng cường đôn đốc các Sở, ngành và UBND các quận, huyện, thị xã; nay là UBND các xã,

phường (có làng nghề) về việc tăng cường thực hiện Đề án bảo vệ môi trường làng nghề trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 và đầu tư xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề theo các Quyết định số 2546/QĐ- UBND ngày 28/4/2023 và số 310/QĐ-UBND ngày 16/01/2024 của UBND Thành phố; thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác bảo vệ môi trường làng nghề, đảm bảo thực hiện tốt các yêu cầu, chỉ tiêu về bảo vệ môi trường làng nghề trên địa bàn Thành phố năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Nước thải sinh hoạt

Tổng lượng nước thải đô thị phát sinh trên địa bàn Thành phố khoảng 1.040.000 m³/ngày đêm. Tỷ lệ nước thải đô thị được thu gom, xử lý đạt 50,2 %. Trên địa bàn thành phố Hà Nội, hiện nay có 8 nhà máy/trạm xử lý nước thải tập trung theo Quy hoạch thoát nước thành phố Hà Nội đã được đầu tư xây dựng và đưa vào vận hành chủ yếu tập trung tại vùng đô thị trung tâm phía Nam sông Hồng- lưu vực Tô Lịch và một phần lưu vực Tả Nhuệ gồm các NMXLNT: Yên Sở (200.000 m³/ngày đêm) Bắc Thăng Long- Vân Trì (42.000 m³/ngày đêm), Hồ Tây (15.000 m³/ngày đêm, Bảy Mẫu (13.300 m³/ngày đêm), Kim Liên (3.700 m³/ngày đêm), Trúc Bạch (2.300 m³/ngày đêm). Ngoài ra, trên địa bàn huyện Gia Lâm có trạm xử lý nước thải Khu đô thị Gia Lâm (Trạm xử lý nước thải tập trung theo Quy hoạch phân khu đô thị N11 huyện Gia Lâm) có công suất 38.000 m³/ngày đêm đã đi vào hoạt động. Thành phố đã tổ chức vận hành thử Nhà máy xử lý nước thải Yên Xá với công suất 200.000 m³/ngày đêm. Tổng công suất của 08 nhà máy XLNT trên là 521.900 m³/ngày đêm.”

Phụ lục 3
CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ ƯU TIÊN VỀ KHÔNG KHÍ

TT	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến kinh phí (tỷ đồng)
A	RÀ SOÁT VÀ HOÀN THIỆN CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ				
I	Nghị quyết của HĐND Thành phố				
1	Kế hoạch tổng thể, lộ trình chuyển đổi, tiến tới dừng lưu thông phương tiện giao thông sử dụng nhiên liệu hóa thạch, phương tiện giao thông gây ô nhiễm môi trường trong vùng phát thải thấp; xây dựng hệ thống giao thông “xanh” cho Thành phố Hà Nội.	Năm 2026 (sau khi Quy hoạch tổng thể Thủ đô tầm nhìn 100 năm được cấp có thẩm quyền thông qua)	Sở Xây dựng	Các Sở, ban, ngành, UBND các phường, xã	-
II	Quyết định của UBND Thành phố				
1	Xây dựng cơ chế phối hợp với các tỉnh, thành phố trong khu vực trong việc kiểm soát ô nhiễm không khí liên vùng, liên tỉnh	Quý II/2026	Sở Nông nghiệp & Môi trường	Các Sở NN&MT thuộc các tỉnh/thành thuộc vùng Thủ đô (bao gồm các sở, ngành và UBND các xã, phường có liên quan tại các tỉnh/thành)	-
2	Quy định về phương án phân vùng môi trường; vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải đã được xác định trong định hướng quy	2026-2027 (sau khi Quy	Sở Nông nghiệp & Môi	Các Sở, ngành; UBND các	2

TT	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến kinh phí (tỷ đồng)
	hoạch tổng thể Thủ đô.	hoạch tổng thể Thủ đô tầm nhìn 100 năm được cấp có thẩm quyền thông qua)	trường	phường, xã và các đơn vị có liên quan	
III	Cơ chế, chính sách trình HĐND, UBND Thành phố ban hành theo thẩm quyền				
1	Chính sách khuyến khích doanh nghiệp kinh doanh đầu tư các trạm/trụ sạc điện, các điểm đổi pin.	Quý II/2026	Sở Công Thương	Các Sở Xây dựng, Tài chính, Tư pháp; UBND các phường, xã và các đơn vị có liên quan	-
2	Quy định cơ chế đặc thù về màu biển kiểm soát phương tiện để nhận diện các phương tiện sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh.	Năm 2026 (sau khi Quy hoạch tổng thể Thủ đô tầm nhìn 100 năm được cấp có thẩm quyền thông qua)	Công an Thành phố	Sở Xây dựng; UBND các phường, xã và các đơn vị có liên quan	-
IV	Ban hành quy định, hướng dẫn kỹ thuật theo thẩm quyền của cơ quan chuyên môn				
1	Ban hành hướng dẫn kỹ thuật, điều kiện an toàn phòng cháy chữa cháy tại khu vực có bố trí điểm lắp đặt trạm/trụ sạc điện, điểm đổi pin...	Quý I/2026	Công an Thành phố	Sở Xây dựng; Quy hoạch kiến trúc; UBND các phường, xã và các đơn vị có liên	-

TT	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến kinh phí (tỷ đồng)
				quan	
B	THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ ƯU TIÊN				
I	QUAN TRẮC VÀ DỰ BÁO CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ				
1	Đầu tư và xây dựng hệ thống quan trắc chất lượng môi trường	Hoàn thành trước 31/12/2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban, ngành, UBND các phường, xã phường	265
2	Thực hiện kiểm kê khí thải cấp Thành phố	Quý I/2026	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban, ngành, UBND các phường, xã	3
3	- Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu môi trường thành phố Hà Nội; - Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) hỗ trợ phân tích cảnh báo thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường.	2026-2028	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban, ngành, UBND các phường, xã	20
4	Thí điểm phần mềm dự báo chất lượng môi trường không khí (https://geoi.com.vn/hanoi-air) ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo AI, nhằm hỗ trợ triển khai các biện pháp ứng phó kịp thời trong trường hợp ô nhiễm không khí.	Quý I/2026	Sở Nông nghiệp & Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ	0,3
II	GIẢM PHÁT THẢI TỪ CÁC NGUỒN CHÍNH				
1	Giao thông – Đô thị				
1.1	Nghiên cứu đầu tư, hoàn thiện mạng lưới giao thông công cộng (xe buýt, xe đạp điện và các dịch vụ hỗ trợ khác) giảm ùn tắc tại các điểm đầu mỗi giao thông, điểm bãi đỗ xe để phục vụ người dân nhu cầu khi đi vào khu vực cấm hoặc hạn chế hoạt động phương tiện	2026-2030	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng, UBND các phường, xã và các đơn vị có liên	1000

TT	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến kinh phí (tỷ đồng)
				quan	
1.2	Đầu tư xây dựng lắp đặt hệ thống trạm/trụ sạc, đổi pin và dịch vụ cho phương tiện sử dụng năng lượng sạch	2026-2030	Sở Xây dựng; UBND các xã, phường (theo phân cấp)	Các Sở, ngành, UBND các phường, xã	698
1.3	Xây dựng phương án quản lý, kiểm soát phương tiện ra vào khu vực phát thải thấp	Quý II/2026	Công an Thành phố	Sở Xây dựng, UBND các phường, xã và các đơn vị có liên quan	959
1.4	<p>Giảm bụi đường: - Tăng cường công tác rửa đường để giảm bụi đường hiệu quả với các yêu cầu về kỹ thuật và tần suất đặc biệt vào mùa ô nhiễm.</p> <p>- Trồng mới cây xanh tại các vị trí thích hợp, tăng độ che phủ xanh đô thị theo quy hoạch tổng thể Thủ đô</p> <p>- Xử lý, xử phạt tối đa đối với các phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng, chất thải rắn không đảm bảo tiêu chuẩn quy định</p>	Thường xuyên	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Xây dựng; BQL các KCNC và KCN, UBND các phường, xã	Các Sở, ban, ngành liên quan	-
1.5	Giảm ùn tắc giao thông: Điều tiết, phân luồng giao thông hợp lý để hạn chế tình trạng ùn tắc tại các nút giao thông gây ô nhiễm môi trường.	Thực hiện thường xuyên	Sở Xây dựng	Công an thành phố, UBND các phường, xã	-

TT	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến kinh phí (tỷ đồng)
1.6	Thu phí phương tiện cơ giới đường bộ khi đi vào khu vực hạn chế phương tiện, vùng phát thải thấp trên địa bàn Thành phố theo công nghệ thu phí tự động Tăng phí (giá) dịch vụ đỗ xe, gửi xe trong khu vực từ vành đai 3 trở vào	Quý III/2026	Sở Xây dựng	Các Sở, ban, ngành UBND các phường, xã	01
1.7	Phê duyệt đề án vùng phát thải thấp	Trước 01/7/2026	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban, ngành UBND các phường, xã	2
1.8	Kiểm soát khí thải ô tô, xe máy	Ô tô: từ ngày 01/3/2026; Xe máy: từ ngày 30/6/2026	Sở Xây dựng Công an Thành phố	Các Sở, ban, ngành UBND các phường, xã	10
1.9	Tuyên truyền vận động để người dân hạn chế việc mua mới phương tiện sử dụng xăng dầu, nhiên liệu hóa thạch	Thường xuyên, liên tục	Sở Xây dựng	Các Sở, ban, ngành UBND các phường, xã	-
2	Công nghiệp				
2.1	Xây dựng cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp trong các khu, cụm công nghiệp thay đổi công nghệ sản xuất, dây chuyền sản xuất hiện đại, thân thiện môi trường	2030	Sở Công thương, BQL các KCNC và KCN	UBND các xã, phường	
3	Nông nghiệp				
3.1	Quy định chính sách tài chính hỗ trợ, kêu gọi đầu tư, xây dựng, vận hành mạng lưới tái chế rơm rạ	05/2026	Sở Nông nghiệp và	UBND các phường, xã	10

TT	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến kinh phí (tỷ đồng)
			Môi trường		
3.2	Xử lý chất thải trong sản xuất nông nghiệp theo hướng nông nghiệp tuần hoàn	2026-2027	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND các phường, xã	6
4	Năng lượng – Xây dựng				
4.1	Giám sát và xử lý, thực thi các biện pháp giảm thiểu bụi tại các công trình xây dựng; Xây dựng hệ thống giám sát bụi (cảm biến, camera..) tại 100% công trình lớn (>1 ha), giảm bụi (rào chắn, phun sương, rửa xe...) các công trình thi công; Nghiên cứu áp dụng bổ sung quy định phải có vật liệu che phủ cho 100% các bề mặt đất đang thi công (bao gồm cả gốc cây dọc vỉa hè, khuôn viên trường học, cơ sở hành chính, công ích và các công trình công cộng khác). Hạ thấp cao độ mặt đất trồng cây các dải phân cách giảm phát tán bụi ra lòng đường; Phun sương cố định giảm bụi tại khu dân cư tập trung (tại các tòa nhà cao tầng).	Tiếp tục thực hiện thường xuyên, liên tục	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban, ngành, UBND các phường, xã	-
4.2	- Yêu cầu bắt buộc các chủ đầu tư thực hiện phun sương, dập bụi tại tất cả các công trình phá dỡ khi cấp phép và xử lý vi phạm (nếu có) - Tăng cường kiểm tra, đôn đốc yêu cầu các cơ sở có các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm bụi, khí thải trong quá trình hoạt động và xử lý vi phạm (nếu có).	Thường xuyên, liên tục	Sở Xây dựng; UBND các phường, xã	Các Sở, ban, ngành,	-

PHỤ LỤC 4**Danh mục các nhiệm vụ trọng tâm trong lĩnh vực quản lý chất thải rắn đến năm 2030**

TT	Danh mục các chương trình, nhiệm vụ ưu tiên	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Cơ sở đề xuất
1	Xây dựng Nghị quyết ưu đãi, hỗ trợ, khuyến khích sử dụng các sản phẩm tái chế từ chất thải rắn xây dựng	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tài chính và các Sở, ngành liên quan	2025-2026	Quyết định số 2831/QĐ-UBND ngày 06/6/2025
2	Xây dựng các tiêu chí, yêu cầu sử dụng vật liệu tái chế từ chất thải rắn xây dựng khi thiết kế xây dựng công trình sử dụng vốn Nhà nước	Sở Xây dựng	Các Sở, ngành liên quan	2025-2026	Quyết định số 2831/QĐ-UBND ngày 06/6/2025
3	Điều tra nguồn thải, phân loại chất thải rắn	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND cấp xã	2026-2030	Kế hoạch số 131/KH-UBND ngày 13/5/2025
4	Điều tra, đánh giá hiện trạng phát sinh, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND cấp xã	2025-2030	Kế hoạch số 131/KH-UBND ngày 13/5/2025
5	Tăng cường năng lực phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt bảo đảm đồng bộ, hiệu quả phù hợp với yêu cầu về phân loại rác tại nguồn.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ngành, UBND các phường, xã	2025-2030	Kế hoạch số 267/KH-UBND ngày 30/9/2025
6	Ứng dụng công nghệ thông tin trong giám sát, quản lý hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn	Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ	2025-2030	Kế hoạch số 131/KH-UBND ngày 13/5/2025
7	Xây dựng, nâng cấp cơ sở hạ tầng, đầu tư trang thiết bị đáp ứng yêu cầu phân loại, thu gom, lưu giữ, tái sử dụng, tái chế, vận chuyển, xử lý chất thải rắn phù hợp với đặc điểm các khu dân cư tập trung, đô thị, nông thôn.	UBND cấp xã; Các cơ sở xử lý chất thải; các doanh nghiệp	Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường	2026-2030	Kế hoạch số 131/KH-UBND ngày 13/5/2025

TT	Danh mục các chương trình, nhiệm vụ ưu tiên	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Cơ sở đề xuất
8	Rà soát các khu xử lý chất thải rắn tập trung của Thành phố để xác định lại phân vùng môi trường, yêu cầu về khoảng cách an toàn về môi trường và áp dụng bổ sung các biện pháp xử lý môi trường tiên tiến thông qua công cụ đánh giá tác động môi trường để giảm yêu cầu về khoảng cách an toàn môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ngành, UBND các phường, xã	2025-2030	Kế hoạch số 267/KH-UBND ngày 30/9/2025
9	Xây dựng cơ sở hạ tầng cho các khu xử lý chất thải tập trung theo quy hoạch đã được phê duyệt	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ngành, UBND các phường, xã	2025-2030	Kế hoạch số 267/KH-UBND ngày 30/9/2025
10	Cải tạo, phục hồi môi trường các khu xử lý, bãi chôn lấp chất thải rắn đã đóng cửa	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ngành, UBND các phường, xã	2025-2030	Kế hoạch số 267/KH-UBND ngày 30/9/2025

PHỤ LỤC 5**Dự kiến đầu tư các dự án xử lý chất thải trên địa bàn thành phố Hà Nội**

STT	LOẠI CHẤT THẢI	KẾT QUẢ NĂM 2025			MỐC CÂN BẰNG	NĂM 2030	NĂM 2045	NĂM 2065
		Lượng phát thải (tấn/ngày)	Lượng xử lý (tấn/ngày)	Mức độ đáp ứng (%)				
1	Chất thải rắn sinh hoạt	8.500 (trong đó tái chế 900 tấn/ngày)	7.600	100% (trong đó: đốt 72%, chôn lấp 28%)	<p>Đến ngày 31/12/2027, đạt cân bằng phát sinh – xử lý CTRSH bằng công nghệ đốt phát điện (tổng công suất xử lý 9.250 tấn/ngày): Dự án điều chỉnh Nhà máy Amacao – Thành Công (tăng lên công suất 1.000 tấn/ngày) và dự án đầu tư Khu xử lý chất thải Núi Thoong (công suất 2.000 tấn/ngày).</p> <p>Phấn đấu hoàn thành xử lý CTRSH đã chôn lấp: điều chỉnh Dự án Nhà máy điện rác Sóc Sơn (bổ sung công suất 1.600 tấn/ngày) và Dự án Cải tạo môi trường và đốt rác phát điện (công suất 750 tấn/ngày), đồng thời tiếp tục kêu gọi đầu tư thêm các dự án xử lý CTRSH đã chôn lấp.</p>	Tổng công suất xử lý 11.250 tấn: Dự án Cải tạo môi trường và đốt rác phát điện (1.500 tấn/ngày) và Khu xử lý chất thải Châu Can (1.000 tấn/ngày).	Tổng công suất xử lý 20.000 tấn/ngày: Hình thành các khu xử lý tại chế tại Sóc Sơn (2.500 tấn/ngày), Xuân Sơn (2.000 tấn/ngày), Châu Can (2.000 tấn/ngày), Núi Thoong (1.000 tấn/ngày).	Tổng công suất xử lý 27.050 tấn/ngày: Hình thành khu xử lý mới tại Cao Dương (3.500 tấn/ngày, trong đó 1.500 tấn/ngày xử lý tái chế) và nâng công suất xử lý các khu tái chế: Sóc Sơn (+1500 tấn/ngày), Xuân Sơn (+1000 tấn/ngày), Châu Can (1000 tấn/ngày), Núi Thoong (+1000 tấn/ngày).

2	Chất thải rắn xây dựng	2.550	1.320	52%	Đến ngày 31/12/2026, đạt cân bằng phát sinh – xử lý bằng công nghệ nghiền, tái chế và dự phòng xử lý khi triển khai thi công các dự án lớn của Thành phố (tổng công suất xử lý 5.940 tấn/ngày): Dự án Lắp đặt trạm trung chuyển tạm thời và hệ thống tái chế CTRXD bằng phương pháp nghiền, X16B xã Chương Dương (700 tấn/ngày); Dự án Nhà máy xử lý, tái chế chất thải rắn xây dựng tại xã Dục Tú, huyện Đông Anh (xã Đông Anh) (2.000 tấn/ngày); Dự án Khu tiếp nhận, xử lý tái chế chất thải rắn xây dựng Mê Linh, xã Tiên Thắng (960 tấn/ngày).	Tổng công suất xử lý: 7.080 tấn/ngày: Dự án xử lý tái chế chất thải rắn xây dựng tại khu XLCTR Xuân Sơn, (công suất 960 tấn/ngày) và Dự án đầu tư Xây dựng khu xử lý, tái chế bùn thải thoát nước tại xã Chương Dương (X16A) (công suất 1.500 tấn/ngày).	Tổng công suất xử lý 6.380 tấn/ngày: Đầu tư nhà máy xử lý Núi Thoong (960 tấn/ngày) và chuyển đổi công nghệ tại Khu xử lý Xuân Sơn và vị trí Tiên Thắng.	Tổng công suất xử lý 9.500 tấn/ngày: Đầu tư nhà máy xử lý Sóc Sơn (1.000 tấn/ngày), Châu Can (1.000 tấn/ngày), Cao Dương (1.000 tấn/ngày); chuyển đổi công nghệ tại các khu xử lý của Thành phố.
3	Bùn thải	1500	1.500	100%	Đến ngày 31/12/2026, đạt cân bằng phát sinh – xử lý bùn thải: Dự án Xử lý chất thải rắn xây dựng và bùn thải tại xã Đông Anh (1000 tấn/ngày).	Tổng công suất xử lý 3.700 tấn/ngày: Dự án Cải tạo môi trường và đốt rác phát điện Hà Nội (công suất xử lý bùn thải đầu vào khoảng 600 tấn/ngày và sau khi làm khô là 150 tấn/ngày vào lò đốt); Dự án đầu tư Xây dựng nhà máy xử lý, tái chế bùn thải thoát nước tại xã Chương Dương (X16A) (công suất 1.500 tấn/ngày); Dự án Khu xử lý rác thải Châu Can (công suất	Tổng công suất xử lý 2.700 tấn/ngày: Duy trì hoạt động các nhà máy và tái sử dụng bãi C Yên Sở.	Tổng công suất xử lý 3.500 tấn/ngày: Chuyển đổi công nghệ tại các khu xử lý của Thành phố.

						600 tấn/ngày).		
4	Phân bùn bể phốt	1495	150	10,03%	Đến ngày ngày 31/12/2026, đạt cân bằng phát sinh – xử lý: Dự án nâng cấp cải tạo, mở rộng công suất nhà máy xử lý phân bùn tại Cầu Diễn (900 tấn/ngày) và dự án xử lý phân bùn bể phốt tại khu xử lý rác thải Xuân Sơn, phường Tùng Thiện (1.000 tấn/ngày).	Tổng công suất xử lý 2.500 tấn/ngày: Khu xử lý Sóc Sơn (công suất 600 tấn/ngày).	Tổng công suất xử lý 2.800 tấn/ngày: Dự án nhà máy xử lý PBBP khu xử lý chất thải Châu Can (300 tấn/ngày).	Tổng công suất xử lý 3.100 tấn/ngày: Nâng công suất nhà máy xử lý PBBP khu xử lý chất thải Sóc Sơn (+300 tấn/ngày).
5	Chất thải công nghiệp	CTCNTT: 646 tấn/ngày CTCNNH: 226 tấn/ngày	CTCNTT: 80 tấn/ngày CTCNNH: 225 tấn/ngày	12% CTCNTT 100% CTCNNH	Đến ngày 31/12/2027, đạt cân bằng phát sinh – xử lý: Nhà máy xử lý rác và phát điện AMACAO-Thành Công (công suất 300 tấn/ngày) và Nhà máy đốt rác tại Khu xử lý Núi Thoong (công suất 1.000 tấn/ngày).	Tổng công suất xử lý 1.880 tấn/ngày: Nâng công suất Nhà máy xử lý chất thải của Công ty Cổ phần Môi trường đô thị và công nghiệp Bắc Sơn tại Khu xử lý chất thải Nam Sơn (công suất 500 tấn/ngày).	Tổng công suất xử lý 1.880 tấn/ngày: Duy trì hoạt động các nhà máy.	Tổng công suất xử lý 1.880 tấn/ngày: Duy trì hoạt động các nhà máy.
6	Chất thải y tế	30 (CTYTNH: 7,8)	7,8 tấn/ngày CTYTNH	100,00%	Tiếp tục vận hành ổn định nhà máy xử lý chất thải y tế tại Cầu Diễn (công suất 15 tấn/ngày), đáp ứng nhu cầu xử lý chất thải y tế nguy hại qua các giai đoạn.			

PHỤ LỤC 6

Danh mục các dự án đầu tư trong lĩnh vực chất thải rắn trên địa bàn Thành phố đến năm 2030

TT	Các dự án	Địa điểm	Quy mô dự án	Nhà đầu tư dự kiến/ đề xuất	Kinh phí đầu tư (tỷ đồng)	Dự kiến thời gian hoàn thành	Loại dự án
A	ĐÀU TƯ CÁC DỰ ÁN XỬ LÝ CHẤT THẢI				27.662		
I	CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT						
1	Điều chỉnh dự án đầu tư Dự án xây dựng Nhà máy xử lý chất thải rắn và sản xuất nguyên liệu tái tạo tại khu xử lý rác Xuân Sơn, thị xã Sơn Tây, Hà Nội thành dự án Nhà máy xử lý rác và phát điện AMACAO-Thành Công	Khu XLCTR Xuân Sơn, phường Tùng Thiện, Hà Nội	- Điều chỉnh tăng từ 250 tấn/ngày lên 1.000 tấn/ngày CTRSH - Công suất phát điện: 20 MW	Công ty Cổ phần Công nghệ môi trường xanh Seraphin	3.100	Trước ngày 01/3/2027	Ngoài ngân sách
2	Dự án xử lý chất thải Núi Thoong	Xã Xuân Mai, Hà Nội	- Công suất xử lý 2.000 tấn/ngày - Công suất phát điện 45MW	Công ty Môi trường đô thị Xuân Mai	5.250	Trước ngày 31/12/2027	Ngoài ngân sách
3	Dự án khu xử lý chất thải rắn Châu Can	Xã Chuyên Mỹ, Hà Nội	Công suất xử lý CTRSH 1.000 tấn/ngày	Đang lựa chọn nhà đầu tư	2.500 (tạm tính)	Trước ngày 31/12/2029	PPP
4	Điều chỉnh dự án đầu tư Nhà máy điện rác Sóc Sơn, thành phố Hà Nội	Khu LHXLCTR Nam Sơn, xã Trung Giã, Hà Nội	- Bổ sung 02 lò đốt tổng công suất 1.600 tấn/ngày xử lý CTRSH đã chôn lấp - Công suất phát điện tăng từ 90MW lên 135MW.	Công ty Cổ phần Năng lượng Môi trường Thiên Ý Hà Nội	5.830 (vốn dự án mở rộng)	Trước ngày 01/3/2027	Ngoài ngân sách

5	Dự án Cải tạo môi trường và đốt rác phát điện Hà Nội	Khu LHXLCT Sóc Sơn, xã Trung Giã, Hà Nội	- Công suất xử lý CTRSH 2.250 tấn/ngày trong đó 1.500 tấn/ngày CTRSH phát sinh mới và 750 tấn/ngày CTRSH đã chôn lấp; - Công suất xử lý bùn thải đầu vào khoảng 600 tấn/ngày và sau khi làm khô là 150 tấn/ngày vào lò đốt; - Phát điện 60 MW	Đang lựa chọn nhà đầu tư	7.532	Trước ngày 31/12/2029	PPP
II	CHẤT THẢI RẮN XÂY DỰNG						
1	Đề án Lắp đặt trạm trung chuyển tạm thời và hệ thống tái chế CTRXD bằng phương pháp nghiền	X16B xã Chương Dương, Hà Nội	Công suất xử lý 700 tấn/ngày CTRXD	Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Việt Cường	85	Trước ngày 31/3/2026	Ngoài ngân sách
2	Dự án Nhà máy xử lý, tái chế chất thải rắn xây dựng tại xã Dục Tú, huyện Đông Anh	Xã Đông Anh, Hà Nội	Công suất xử lý 1.000 tấn/ngày CTRXD và 1.000 tấn/ngày bùn thải	Công ty TNHH Bê tông đúc sẵn và cơ khí Bình Dương	383	Trước ngày 30/6/2026	Ngoài ngân sách
3	Dự án Khu tiếp nhận, xử lý tái chế chất thải rắn xây dựng Mê Linh	Xã Tiến Thắng, Hà Nội	Công suất xử lý CTRXD 960 tấn/ngày	Công ty Cổ phần Dịch vụ sản xuất Toàn Cầu	90	Trước ngày 31/12/2026	Ngoài ngân sách
4	Dự án xử lý tái chế chất thải rắn xây dựng tại khu xử lý chất thải rắn Xuân Sơn	Khu XLCTR Xuân Sơn, phường Tùng Thiện, Hà Nội	Công suất 960 tấn/ngày	Công ty Cổ phần Dịch vụ sản xuất Toàn Cầu	120	Trước ngày 31/12/2027	Ngoài ngân sách
5	Dự án đầu tư Xây dựng khu xử lý, tái chế bùn thải thoát nước tại xã Chương Dương (X16A) <i>(Sở Xây dựng đề xuất chủ trương đầu tư)</i>	X16A xã Chương Dương, Hà Nội	Công suất xử lý 3.000 tấn/ngày, trong đó đề xuất 1.500 tấn/ngày CTR XD; 1.500 tấn/ngày bùn thải.	Đang lựa chọn nhà đầu tư	792	Trước ngày 31/12/2029	PPP

III	BÙN THẢI						
1	Dự án Nhà máy xử lý, tái chế chất thải rắn xây dựng tại xã Dục Tú, huyện Đông Anh	Xã Đông Anh, Hà Nội	Công suất xử lý 1.000 tấn/ngày CTRXD và 1.000 tấn/ngày bùn thải	Công ty TNHH Bê tông đúc sẵn và cơ khí Bình Dương	383	Trước ngày 30/6/2026	Ngoài ngân sách
2	Dự án đầu tư Xây dựng khu xử lý, tái chế bùn thải thoát nước tại xã Chương Dương (X16A) <i>(Sở Xây dựng đề xuất chủ trương đầu tư)</i>	X16A xã Chương Dương, Hà Nội	Công suất xử lý 3.000 tấn/ngày, trong đó đề xuất 1.500 tấn/ngày CTR XD; 1.500 tấn/ngày bùn thải.	Đang lựa chọn nhà đầu tư	792	Trước ngày 31/12/2029	PPP
3	Dự án Cải tạo môi trường và đốt rác phát điện Hà Nội (PPP)	Khu LHXLC T Sóc Sơn, xã Trung Giã, Hà Nội	- Công suất xử lý CTRSH: 2.250 tấn/ngày - Công suất xử lý bùn thải là 600 tấn/ngày (sau khi sấy khô là 150 tấn/ngày) - Công suất phát điện: 60MW	Đang lựa chọn nhà đầu tư	7.532	Trước ngày 31/12/2029	PPP
IV	PHÂN BÙN BỂ PHỐT						
1	Nâng cấp, cải tạo khu xử lý phân bùn bể phốt tại khu xử lý chất thải Cầu Diễn	Phường Xuân Phương, Hà Nội	Công suất xử lý 900 tấn/ngày	Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Hà Nội	160	Trước ngày 31/12/2026	Ngoài ngân sách
1	Dự án Đầu tư Nhà máy xử lý phân bùn bể phốt tại Khu xử lý Sóc Sơn	Xã Trung Giã, Hà Nội	Công suất xử lý 600 tấn/ngày	Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Hà Nội	120	Trước ngày 31/12/2027	Ngoài ngân sách
2	Đầu tư nhà máy xử lý PBBP tại Khu XLCTR Xuân Sơn	Phường Tùng Thiện, Hà Nội	Công suất xử lý 1.000 tấn/ngày	Công ty Liêndanh Công ty cổ phần môi trường Xanh Seraphin và Công ty cổ phần vật liệu thông minh Sơn Tây	200	Trước ngày 31/12/2026	Ngoài ngân sách
V	CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP						
1	Dự án xây dựng Nhà máy xử lý chất thải rắn và sản xuất nguyên liệu tái tạo tại khu xử lý rác Xuân Sơn, thị xã Sơn Tây, Hà Nội thành dự án Nhà máy xử lý rác và phát điện AMACAO-Thành Công	Khu XLCT Xuân Sơn, xã Tùng Thiện, Hà Nội	- Công suất xử lý CTRSH: 1.000 tấn/ngày, trong đó xử lý chất thải công nghiệp công suất 300 tấn/ngày.	Công ty Cổ phần Công nghệ môi trường xanh Seraphin	3.100	Trước ngày 01/3/2027	Ngoài ngân sách

2	Dự án xử lý chất thải Núi Thoong	Xã Xuân Mai, Hà Nội	Công suất xử lý chất thải công nghiệp 1.000 tấn/ngày	Công ty Môi trường đô thị Xuân Mai	5.250	Trước ngày 31/12/2027	Ngoài ngân sách
3	Nâng công suất nhà máy xử lý chất thải Khu xử lý chất thải Nam Sơn	Khu LHXLCR Nam Sơn, xã Trung Giã, Hà Nội	Công suất 500 tấn/ngày	Công ty Cổ phần Môi trường đô thị và công nghiệp Bắc Sơn)	1.500	Trước ngày 31/12/2029	Ngoài ngân sách
VI	CHẤT THẢI Y TẾ	Tiếp tục vận hành ổn định nhà máy xử lý chất thải y tế tại Cầu Diễn (công suất 15 tấn/ngày), đáp ứng nhu cầu xử lý chất thải y tế nguy hại qua các giai đoạn.					
B	ĐẦU TƯ HỆ THỐNG TRUNG CHUYÊN CHẤT THẢI				726		
1	Đầu tư các trạm trung chuyển, điểm chuyển tải, điểm đặt compactor, điểm tập kết tại các xã, phường	Các xã, phường		UBND các xã, phường	126	Trước 31/12/2026	Ngân sách nhà nước
2	Đầu tư 02 trạm trung chuyển tập trung cấp Thành phố	Theo Quy hoạch		Sở Nông nghiệp và Môi trường	600	Trước 31/12/2029	Ngân sách nhà nước